

VỀ THÀNH PHẦN BIỂU THỊ Ý NGHĨA CHU CẢNH  
CỦA CÂU ĐƠN HAI PHẦN TIẾNG VIỆT.

ĐÀO THANH LAN<sup>+</sup>

Thành phần biểu thị ý nghĩa chu cảnh (thời gian, không gian, cảnh hướng) trong câu đơn tiếng Việt trước đây thường được gọi bằng thuật ngữ trạng ngữ. Nhìn chung trạng ngữ được hiểu là thành phần phụ ngoài nòng cốt câu (nòng cốt câu gồm hai phần chủ ngữ và vị ngữ), có quan hệ ý nghĩa đến toàn câu, có vị trí tự do nhất so với các thành phần khác (như chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ) nó thường đứng đầu câu, song có thể chuyển xuống giữa hoặc cuối câu

Ví dụ <sup>(1)</sup>

*Ngày ấy, cuộc sống bình dị và rất khác bây giờ.* <sup>(2)</sup>

(MLRTV. 95)

*Trên các thân cây, lớp vỏ khô mốc dần*

(BKBAV. 86)

*Vẽ nhân loại thì gia đình đã trải qua các hình thái tap hôn cục kỳ lang cha, huyết tộc, punaluan, đối ngẫu, một vợ một chồng*

(MLRTV. 45)

*Tôi quý nhất gia đình ta ở cái nghĩa cái tình*

(MLRTV. 49)

*Cái thằng bé Lưu ấy giờ đây trở thành thư ký của vị lãnh đạo vốn là bạn đồng nghiệp với ông.* (BKBAV. 83)

Cao Xuân Hạo trong sách "Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng - 1991" đã phân biệt ngữ đoạn biểu thị ý nghĩa chu cảnh ra làm hai loại loại đứng đầu câu có tác dụng nêu rõ "phạm vi trong đó điều được nói ở phần kể theo sau có giá trị" là khung đề (ví dụ, 2, 3) và loại đứng ở phần sau câu là trạng ngữ vốn là một bộ phận của vị ngữ (Ngữ có vị từ làm trung tâm) phụ cho vị từ (ví dụ 4, 5) Trạng ngữ bổ sung ý nghĩa chu cảnh cho vị từ, do đó cung cấp thêm chất liệu cho nội dung miêu tả của câu". (Xem sách đã dẫn, trang 86).

Chúng tôi tán thành cách phân chia thành phần biểu thị ý nghĩa chu cảnh ra làm hai loại căn cứ vào vị trí và chức năng biểu thị ngữ nghĩa của chúng trong câu. Song việc coi

---

(+) Khoa Ngữ Văn trường đại học Tổng hợp Hà Nội

khung đề là một loại đề cũng nằm trong cấu trúc đề - Thuyết (cấu trúc thuộc bình diện lô gích - ngữ pháp) vốn là cấu trúc cơ bản, hạt nhân làm nòng cốt câu đơn hai phần của tiếng Việt khiến chúng tôi băn khoăn. Bởi vì thành phần biểu thị ý nghĩa chu cảnh đứng đầu câu (chúng tôi gọi là chu ngữ - ngữ biểu thị chu cảnh, phụ cho câu/ phân biệt với trạng ngữ - ngữ phụ cho vị từ, không đứng đầu câu) không phải là đối tượng nhận định của tư duy như chủ đề, nó không cùng với thuyết lập nên mối quan hệ ý nghĩa giữa "thực thể sự vật" và "đặc trưng về sự vật" như chủ đề và thuyết. Mối quan hệ ý nghĩa như trên của đề - Thuyết ở bình diện hình thức ngôn ngữ thường được thể hiện bằng các từ loại điển hình danh từ và vị từ. Sơ đồ biểu diễn các mối quan hệ của cấu trúc Đề - Thuyết như sau:

- |   |   |
|---|---|
| - Nghĩa lô gích                         | Chủ đề - Thuyết                                   |
| - Nghĩa biểu thị                        | Thực thể sự vật - Đặc trưng thông báo về thực thể |
| - Vật liệu ngôn ngữ<br>chủ yếu          | Danh từ - Vị từ                                   |
| - Quan hệ cú pháp<br>(thành phần chính) | Đề ngữ - Thuyết ngữ                               |
| - Ví dụ:                                | Lớp vỏ khô   mốc dẫn.                             |

Xét chu ngữ trong mối quan hệ với cấu trúc đề - Thuyết <sup>(4)</sup> để hình thành câu, ta có:

- |   |  |
|---|--|
| Chủ ngữ   | Đề - Thuyết  |
| - Nghĩa lô gích nêu ra phạm vi mà<br>sự nhận định của<br>tư duy có hiệu lực | nêu sự nhận định của tư duy                                  |
| - Nghĩa biểu thị Chu cảnh   | thực thể đặc trưng thông báo                                 |
| - Quan hệ cú pháp thành phần phụ,<br>có thể lược bỏ.                        | nòng cốt,<br>không thể lược bỏ.                              |
| - Vị trí  | đứng trước Đề -<br>Thuyết                   đứng sau Chu ngữ |

Thủ pháp cải biến sẽ chứng tỏ mối quan hệ cú pháp của Chu ngữ so với cấu trúc Đề - Thuyết. Vì chu ngữ là thành phần phụ của câu nên có thể lược bỏ, cấu trúc cơ bản của câu vẫn tồn tại với sự tồn tại của cấu trúc Đề - Thuyết. Trong khi đó, nếu lược bỏ Chủ đề hoặc thuyết và giữ lại chu ngữ thì mối quan hệ Đề - Thuyết làm nên sự nhận định của tư duy sẽ nên sự kiện bị phá vỡ. Chu ngữ không thể thay thế chủ đề đề cùng với thuyết tạo thành cấu trúc cơ bản của câu.

Cải biến ví dụ 1) ta thấy: lược bỏ chu ngữ, câu vẫn tồn tại

I') Cuộc sống bình dị và rất khác bây giờ (+)

Nếu lược bỏ Đề hoặc Thuyết, câu bị phá vỡ.

I'') Ngày ấy? bình dị và rất khác bây giờ (-)

I''') Ngày ấy, cuộc sống? (-)

Hai biến thể sau không phải là câu.

Thù với hàng loại ví dụ, ta sẽ có kết quả tương tự.

Như vậy, vai trò của chủ ngữ không như chủ đề nên không thể được xử lý như một loại để khi phân tích câu.

Để nhận diện chủ ngữ được chính xác, cần phân biệt nó với một số thành phần câu khác có vẻ giống như nó về một phương diện nhất định.

1) Phân biệt Chủ ngữ với Đề ngữ.

Về hình thức biểu hiện từ loại, thoát nhìn nhiều khi Chủ ngữ giống đề ngữ ở chỗ đều được biểu hiện bằng danh từ trở thời gian, vị trí.

Ví dụ a) Hôm nay trời rất đẹp.

a) Hôm nay thì trời rất đẹp.

b) Hôm nay là một ngày rất đẹp trời.

Song nếu phân tích ý nghĩa biểu hiện của cấu trúc câu ta sẽ thấy chúng khác nhau. Câu a) và a') thuộc kiểu câu tả (câu không có hệ từ "là" tham gia vào thuyết ngữ), danh từ thời gian "hôm nay" mang ý nghĩa nêu ra chu cảnh mà sự kiện được nhận định ở nòng cốt Đề - Thuyết "trời rất đẹp" có hiệu lực. Câu a) là câu miêu tả thuần túy. Câu a') dùng từ "thì" có tác dụng nhấn mạnh phần trước nó do đó mà có hàm ý đối lập chu cảnh thời gian được nêu ra trong câu với chu cảnh thời gian không được nêu ra trong câu. Từ "thì" mang chức năng dung pháp để nhấn mạnh thành phần đứng trước nó nhằm tăng sắc thái khẳng định cho câu. Nó là trợ từ nhấn mạnh, có thể thêm vào để phân cách thành phần cần nhấn mạnh với phần câu còn lại chứ không phải là dấu hiệu hình thức về sự phân biệt giữa Đề và Thuyết.

Câu b) thuộc kiểu câu luận (câu có hệ từ "là" tham gia vào Thuyết ngữ). Danh từ thời gian "hôm nay" biểu thị một khái niệm về thực thể thời gian được xác định bởi danh từ nằm ở phần Thuyết ngữ (danh từ "ngày"). Quan hệ giữa chúng là quan hệ giữa thực thể và đặc trưng thông báo về thực thể, là quan hệ Đề - Thuyết, được hình thức hóa bằng hệ từ "là". Từ "là" là yếu tố bắt buộc của cấu trúc câu luận, đồng thời cũng là dấu hiệu nhận diện danh từ thời gian, vị trí đứng đầu câu nằm trong cấu trúc "danh - là danh" đại diện cho thực thể có chức năng làm Đề ngữ của câu. Các danh từ thời gian, vị trí đứng đầu câu, nằm ngoài cấu trúc "danh - là - danh" đều làm Chủ ngữ.

Ngoài các danh từ thời gian và vị trí, các danh từ trở vật thể đứng đầu câu đều làm Đề ngữ trong câu. Chúng chỉ là Chủ ngữ khi trước chúng có giới từ tạo thành giới ngữ biểu thị ý nghĩa chu cảnh.

Ví dụ: "nhà" biểu thị ý nghĩa sự vật.

"trong nhà, trước nhà, sau nhà, dưới nhà..." biểu thị ý nghĩa chu cảnh về vị trí.

Như vậy, câu "ở xã bên, lúa tốt" sẽ được phân tích là Đ - T  
đ - t

Xã bên,      lúa   tốt  
Đ              đ   1   1

và câu "Ở xã bên, lúa tốt" sẽ được phân tích là: C, Đ-T.

<u>Ở xa bên,</u>	<u>lúa</u>	<u>tốt</u>
C	Đ	T

### 2) Phân biệt chu ngữ với trạng ngữ.

Xét về ngữ nghĩa khái quát, chu ngữ và trạng ngữ giống nhau ở chỗ chúng đều biểu thị ý nghĩa chu cảnh. Về vai trò cú pháp chúng đều là yếu tố phụ bổ sung cho yếu tố chính. Song Chu ngữ khác Trạng ngữ ở mấy điểm sau.

Về quan hệ cú pháp, Chu ngữ là thành phần phụ cho cả nòng cốt Đề - Thuyết chứ không phụ cho riêng Đề hay Thuyết. Trạng ngữ là yếu tố phụ cho vị từ trong câu, nó thuộc thành phần Thuyết ngữ, vị trí của Chu ngữ trong câu trúc câu thường đứng đầu câu, trước cả Đề và Thuyết. Trạng ngữ thường đứng sau vị từ, đôi khi nó có thể đứng trước cả vị từ, ở đầu phần Thuyết, sau phần Đề. Vị trí đứng cạnh vị từ cho phép người nghe xác định được nó bổ sung ý nghĩa chu cảnh cho vị từ.

Về mặt ý nghĩa, Chu ngữ nêu ra chu cảnh là phạm vi, điều kiện để sự nhận định ở nòng cốt Đề - Thuyết có hiệu lực. Ý nghĩa chu cảnh của Chu ngữ là miêu tả toàn bộ sự kiện được diễn đạt bằng cấu trúc Đề - Thuyết. Ý nghĩa của Trạng ngữ là miêu tả cho vị từ về mặt chu cảnh. Trạng ngữ giúp cho người đọc, người nghe hình dung rõ hành động, trạng thái, đặc điểm mà vị từ biểu thị diễn ra ở đâu, khi nào, trong cảnh huống nào. Phạm vi bổ sung ý nghĩa của Trạng ngữ hẹp hơn Chu ngữ. (Xem lại ví dụ 1, 2, 3, có Chu ngữ và ví dụ 4, 5 có Trạng ngữ đã dẫn ở trang 1).

### 3) Phân biệt Chu ngữ với Minh xác ngữ.

Minh xác ngữ là yếu tố phụ cho danh từ làm Đề ngữ, nó giống Chu ngữ ở vị trí mở đầu câu, trước nòng cốt Đề - Thuyết, song nó khác Chu ngữ ở ý nghĩa quan hệ và biểu hiện từ loại.

Ví dụ về Minh xác ngữ: (phần có gạch dưới)

a) Đi lần mãi mấy làng, bác mới đến nhà ông nghị Trinh.

(TNCL - NCH - 35)

b) Nói xong, ông quay lưng vào và đóng cổng lại.

(TNCL - NCH - 37)

c) Ung dung, nó đứng nhìn người bị nạn.

(TNCL - NCH - 218)

Về mặt biểu hiện từ loại Minh xác ngữ thường là vị từ, hoặc là vị ngữ (ngữ vị từ) biểu thị hành động, trạng thái của chủ thể làm Đề ngữ trong câu nhưng các hành động, trạng thái này thường diễn ra trước hoặc đồng thời với hành động ở Thuyết ngữ là phần cần thông báo. Hành động, trạng thái ở Minh xác ngữ nhằm miêu tả rõ thêm cho chủ thể làm Đề ngữ.

Về ý nghĩa, Minh xác ngữ chỉ có mối quan hệ ý nghĩa với Đề ngữ, nó bổ sung ý nghĩa cho chủ thể làm Đề ngữ bằng các trạng thái, hành động phụ xảy ra trước hoặc cùng lúc với hành động chính cần thông báo ở Thuyết ngữ. Các tác giả như Búttxrốp, Nguyễn Tài Cần, Xtankêevích trong "Ngữ pháp tiếng Việt" - Lêningrát 1975" coi thành phần này là vị ngữ thứ yếu - thành phần phụ của câu. Chúng tôi coi nó là một thứ phụ ngữ của danh từ làm Đề ngữ, chuyên biểu thị đặc trưng về hoạt động, trạng thái phụ của danh từ chủ thể,

vì vậy nó phải được tách ra, đứng trước danh từ chính để phân biệt với hoạt động, trạng thái chính- đặc trưng căn thông báo - ở Thuyết ngữ, vốn thường đứng sau Đề ngữ, do vậy trong lời nói, giữa Minh xác ngữ và Đề không có từ "thì" phân cách như ở Chu ngữ./.

## CHÚ THÍCH

- (1) Các ví dụ trích trong "Mùa lá rụng trong vườn" tiểu thuyết của Ma Văn Kháng và "Bên kia bờ ảo vọng" - tiểu thuyết của Dương Thu Hương.
- (2) Phần in nghiêng trong các ví dụ biểu thị ý nghĩa chu cảnh.
- (3) Chủ đề thường gọi tắt là Đề
- (4) Cấu trúc Đề - Thuyết cũng là dạng gọi tắt của cấu trúc Đề ngữ - Thuyết ngữ.
- (5) "TNCL - NCH": Truyện ngắn chọn lọc - Nguyễn Công Hoan

## THE MEMBER OF THE MANIFESTATION MEANING FOR CIRCUMSTANCE OF THE SIMPLE SENTENCE OF THE VIETNAMESE LANGUAGE.

ĐÀO THANH LAN  
*Philological Faculty*

Before, the member of the manifestation meaning for circumstance in the sentecece was considered by the adverbial phrase. It is the auxiliary member of the senten. It has three positons: the first position of the phrase, the central position of the phrase and the end-position of the phrase.

Now, we divide it into types, based on it's position for the sýntax and the semantics relation toward on the sentence. The first type wich has the first position of the phrase is the auxiliary member of the phrase, it is considered to be "circonstant". The second type has the front position or the posposition of the verb and is consitder to be " adverbial modifier", it is belong to rhem- the second principal member of the simple sentence. The meaning of "circonstant" is that, it is submits a sphere to help the observation of the sentence becoms the effectual. The meaning of the " adverbial modifier" is modify for the verb. The adverbial modifier' s Sphere of the meaning complement is more narrow than the circonstant./.